

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày: 25/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thành
2. Ông Lê Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị A**, sinh ngày 19/3/1997; (tên gọi khác: Ngọc); Nơi sinh: Xuân I, Sông Cầu; Nơi cư trú: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Tiếp viên Karaoke; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn F, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị G, sinh năm 1969; Con ruột gồm 03 người, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2019; Anh ruột 01 người. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Công B**, sinh năm 1998; (tên gọi khác: Cườm); Nơi sinh: Sông Cầu; Nơi ĐKKHKT: Khu phố Long Hải B, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: Khu phố Phước L, phường Xuân Y, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1975 và bà Trương Thị G, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/12/2019, bị Cơ quan

điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Phú Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Phan Hòa C**, sinh năm 1996; (tên gọi khác: N, K); Nơi sinh: Bình Thuận; Nơi ĐKHKTT: Xóm 12, Hiệp U, xã Chí N, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Phan Đình H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Sầu R, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 17/12/2019, bị Cơ quan điều tra Công an huyện Bồ T, tỉnh Quảng B khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 BLHS. Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện O, tỉnh Phú Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Phan Trọng D**, sinh năm 1998; (tên gọi khác: Gương, Thương); Nơi sinh: Sông Cầu; Nơi cư trú: Khu phố Dân P, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Phan Bảo Vân V, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Kim X, sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/12/2019, bị Cơ quan điều tra Công an thị xã C khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Điều 318 BLHS xảy ra vào ngày 07/6/2019. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị A:* Ông **Ngô Tấn H** – sinh năm 1977 – Trợ giúp viên P lý thuộc Trung tâm trợ giúp P lý tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 68 Lê Duẩn, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Văn E** – sinh năm 1987; Trú tại: khu phố Long Bình Đ, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. Anh **Lê Văn G** – sinh năm 1986 (tên gọi khác: “G chó đại”); Trú tại: Khu phố Long Hải B, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. Anh **Huỳnh Ngọc X** – sinh năm 2000; Trú tại: Khu phố Dân P, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

4. Anh **Nguyễn Xuân K** – sinh năm 1999; Trú tại: khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

5. Anh **Nguyễn Ngọc I** – sinh năm 1988; Trú tại: khu phố Long Bình, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

6. Anh **Trần Văn N** – sinh năm 1991; Trú tại: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Bà **Bùi Thị G** – sinh năm 1969; Trú tại: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
8. Ông **Trần Văn F** – sinh năm 1966; Trú tại: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt
9. Chị **Nguyễn Thị Bích H** – sinh năm 1990; HKTT: thôn 1, xã Xuân Hải, thị xã C, tỉnh Phú Yên; hiện ở: Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
10. Anh **Nguyễn Văn P** – sinh năm 1995; Trú tại: thôn BìnhN, xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
11. Anh **Nguyễn Thành G** – sinh năm 1992; Trú tại: khu phố Vạn P, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
12. Anh **Nguyễn Việt U** – sinh năm 1984; Trú tại: 11 Hùng Vương, khu phố Long H, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
13. Anh **Võ Tấn V** – sinh năm 1995 (tên gọi khác: “Ômô”); Trú tại: khu phố Long Phước Đ, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
14. Anh **Huỳnh Minh Long** – sinh năm 1998 (tên gọi khác: “Long gà”); Trú tại: thôn Long P, xã Xuân L, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
15. Anh **Lê Minh E** – sinh năm 1998; Trú tại: khu phố Long Phước Đ, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
16. Bà **Trương Thị G** – sinh năm 1972; Trú tại: Khu phố Phước L, phường Xuân Y, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có thêm tiền tiêu xài, giữa Trần Thị A với Phạm Công B (là người yêu của A) và Phan Hòa C (là chồng chưa đăng ký kết hôn của A) thống nhất về việc mua ma túy về bán kiếm lời. Phạm Công B nói cho Phan Trọng D, Nguyễn Thành G biết về việc có bán ma túy và nói D, G nếu biết ai có nhu cầu mua thì giới thiệu. Thực hiện theo sự thống nhất, ngày 09/9/2019, C đi ra Đà Nẵng gặp thanh niên tên Q (không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể) từng đi biển chung mua ma túy đá với số tiền 2.000.000 đồng. Đến sáng ngày 11/9/2019, C đem ma túy về nhà ở của Trần Văn F (là cha ruột A) thì A gọi nói Phạm Công B kiếm người rành phân ma túy. Lúc này, tại phòng ngủ của A và C, C bỏ ma túy vào chén, dùng kéo cắt bì nilon thành từng mảnh nhỏ rồi hàn kín để lại một cạnh, cắt ống nước mía để dùng mức ma túy. Phạm Công B

gọi cho Phan Trọng D chở đến nhà Trần Thị A phân chia ma túy thì D đồng ý, B đem theo bì nilon. Khi vào thấy C đã phân chia được 04 bì ma túy, C hỏi thì D nói “Đào nhiều dữ” thì lúc này, C dùng kéo cắt bì nilon thành từng mảnh nhỏ rồi đưa cho D dùng đoạn ống hút nước mía múc ma túy vào rồi đưa cho Phạm Công B dùng quạt ga hàn kín các bì nilon. Trong lúc, C, B, D phân chia ma túy thì A ngồi bên cạnh. Sau khi phân chia được các bì ma túy thì còn lại một ít nên D hỏi lấy thì A đồng ý. Sau khi phân chia số ma túy, Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C đã bán được cho những người có nhu cầu sử dụng ma túy trong đó:

- Bán cho Nguyễn Văn E 03 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào khoảng đêm ngày 11/9/2019, E gọi cho Trần Thị A hỏi mua ma túy với số tiền 500.000 đồng, A gọi cho Phạm Công B giao nhưng B không có xe nên Phan Hòa C điều khiển xe hiệu Max của Trần Văn F đến khu vực Dốc Găng thuộc phường Xuân Thành giao số ma túy và nhận số tiền 500.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Vào khoảng đêm ngày 13/9/2019, tại khu vực Dốc Găng, phường Xuân Thành, Phan Hòa C đã giao hai bì 5 (tức 500.000 đồng/01 bì) với số tiền 1.000.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Vào khoảng đêm ngày 16/9/2019, tại khu vực Dốc Găng, phường Xuân Thành, Phan Hòa C giao 02 bì 5 với số tiền 1.000.000 đồng.

- Bán cho Phan Trọng D 03 lần cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 17/9/2019, D gọi cho A mua 300.000 đồng thì A đi bộ ra giao tại gần nhà A.

+ Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 20/9/2019, D gọi cho Trần Thị A hỏi mua 300.000 đồng thì Trần Thị A (lúc này A đang nuôi con bị bệnh tại Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu được xác định thời gian từ ngày 18/9/2019 đến ngày 26/9/2019) nói B giao tại Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu, thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên, D đưa số tiền 250.000 đồng, nợ lại số tiền 50.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 26/9/2019, D gọi cho B qua số 0359589095 để hỏi mua 300.000 đồng nhưng Trần Thị A nghe điện thoại và được Trần Thị A giao tại khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên.

- Bán cho Lê Anh G 03 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2019, Lê Anh G gọi cho Trần Thị A mua 500.000 đồng ma túy thì A đồng ý và giao tại khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên, nhưng G đưa số tiền 300.000 đồng, nợ lại số tiền 200.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2019, Lê Anh G gọi cho Trần Thị A hỏi mua ma túy số tiền 500.000 đồng thì A đồng ý và giao tại khu vực gần nhà A thuộc khu phố K Phú, phường Xuân Đài.

+ Lần thứ ba cùng ngày tháng 9 năm 2019 khoảng 21 giờ, tại khu vực gần nhà A thì A tiếp tục bán cho G 01 bì ma túy số tiền 500.000 đồng.

- Bán cho Huỳnh Ngọc X 02 lần cụ thể:

+ Lần thứ nhất:

Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2019, sau khi được Phan Trọng D giới thiệu Phạm Công B có bán ma túy và cho số điện thoại thì Huỳnh Ngọc X gọi hỏi mua ma túy với số tiền 500.000 đồng. A đồng ý nên nói Phạm Công B giao cho Đang tại Khu phố Phước L, phường Xuân Y, thị xã Sông Cầu.

+ Lần thứ hai, cách lần thứ nhất khoảng 04-05 ngày, tại Khu phố Phước L, phường Xuân Y, thị xã Sông Cầu, Trần Thị A và Phạm Công B giao cho Huỳnh Ngọc X 01 bì ma túy với số tiền 500.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Ngọc I 02 lần cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Khoảng chiều ngày không rõ giữa tháng 9 năm 2019, Nguyễn Ngọc I gọi cho Trần Thị A hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy thì A điều khiển xe hiệu Dream đến giao tại hầm cầu vượt Dốc Găng thuộc phường Xuân Thành.

+ Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 04-05 ngày, tại hầm cầu vượt Dốc Găng, Trần Thị A tiếp tục bán 02 bì ma túy với số tiền 1.000.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Xuân K 01 lần vào khoảng 20 giờ ngày không rõ, được Phan Trọng D giới thiệu về việc B và A có bán ma túy nên K gọi cho Trần Thị A hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì A đồng ý (lúc này A đang nuôi con bị bệnh tại Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu được xác định thời gian từ ngày 18/9/2019 đến ngày 26/9/2019) nên hẹn giao trước cổng trung tâm y tế thị xã thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên. Tại đây, A nói B xuống giao cho K thì K đưa số tiền 230.000 đồng, nợ số tiền 70.000 đồng.

Sau khi bán hết số ma túy thì Trần Thị A gọi cho Phạm Công B nói về việc Phan Hòa C sẽ đi Đà Nẵng mua ma túy nên hỏi B số tiền 2.000.000 đồng. B đồng ý nên đi cầm điện thoại tại tiệm điện “Cường Nguyễn” của anh Nguyễn Việt U với số tiền 1.800.000 đồng rồi đưa cho Trần Thị A. Sau khi nhận tiền thì A đưa cho C. Ngày 25/9/2019, C liên hệ với người tên Q mua 3.200.000 đồng ma túy nhưng do việc phân chia ma túy khó nên C yêu cầu phân sẵn thành những bì nhỏ. Đến ngày 26/9/2019, C đem 31 bì ma túy về lại Sông Cầu. Sau khi C về, Trần Thị A gọi điện thoại cho Phạm Công B biết. Đến ngày 28/9/2019, Trần Thị A sử dụng 01 tép và vào khoảng 19 giờ

ngày 28/9/2019, tại khu phố K Phú, phường Xuân Đài, A đã bán cho Nguyễn Ngọc I 01 bì ma túy với số tiền 300.000 đồng. Đến 21 giờ cùng ngày, quá trình kiểm tra nhân khẩu tại hộ Trần Văn F thì Trần Văn N là anh ruột Trần Thị A biết nên giao nộp 29 bì ma túy cho Công an.

Tại Kết luận giám định số 189/GĐ-PC09 ngày 04/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Tinh thể màu trắng trong 29 bì nilon trong suốt hàn kín (A1=0,101g, A2=0,069, A3=0,061g, A4=0,082g, A5=0,045g, A6=0,101g, A7=0,086g, A8=0,114g, A9=0,056g, A10=0,122g, A11=0,082g, A12=0,069g, A13=0,074g, A14=0,110g, A15=0,061g, A16=0,070g, A17=0,069g, A18=0,080g, A19=0,052g, A20=0,079g, A21=0,044g, A22=0,063g, A23=0,067g, A24=0,074g, A25=0,086g, A26=0,061g, A27=0,110g, A28=0,078g, A29=0,055g do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 2,221g loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IC, STT 323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động số kiểu Itel it 1516 Plus, số seri 0217801770304461 và 01 (một) sim số 0769593015, imei: 358175081345199 (358175081345199) của Phan Hòa C; 01 (một) điện thoại di động Galaxy J4+ Kiểu máy SM –J415F/DS, seri R58M12WM63M, Imei 355021101729074 và 355022101729072 cùng sim số 0335838992 của Trần Thị A; 03 (ba) nỏ thủy tinh hình dạng ống tròn cong; 01 (một) quẹt ga màu đỏ mặt ngoài quẹt ga có hình chữ 555; 01 (một) kéo kim loại cán kéo màu cam có hình chữ YDL Stainless; nhiều vỏ bì nylon nhựa, ống nhựa loại ống hút nước mía; 01 (một) sim số 0359589095 của Phạm Công B; 1,967g Methamphetamine còn lại sau giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định và bao bì gửi giám định.

Tại bản cáo trạng số 15/CT - VKSSC ngày 06/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C và Phan Trọng D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố truy tố các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C và Phan Trọng D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng P luật, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 15/CT - VKSSC ngày 06/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C và Phan Trọng D về tội “*Mua bán trái phép*

chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS cho tất cả các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Thị A được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS và bị cáo Phan Trọng D được áp dụng thêm Điều 54 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt: Bị cáo Trần Thị A từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Phạm Công B từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/9/2019. Bị cáo Phan Hòa C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/9/2019. Bị cáo Phan Trọng D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo A làm nghề tiếp viên karaoke nhưng bị cáo không lợi dụng lúc đang làm nghề này bán ma túy; bị cáo thuộc diện hộ nghèo; vai trò của bị cáo D đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A và D; bị cáo C làm nghề biển, bị cáo B làm nghề lao động tự do nên áp dụng hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng đối với C, B theo khoản 5 Điều 251 BLHS.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại di động số kiểu Itel it 1516 Plus, số seri 0217801770304461, imei: 358175081345199; 01 điện thoại di động Galaxy J4+ Kiểu máy SM –J415F/DS, seri R58M12WM63M, Imei 355021101729074 và 355022101729072 là K tiện phạm tội nhưng còn giá trị sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy sim số 0769593015 của Phan Hòa C; sim số 0335838992 của Trần Thị A; 01 sim số 0359589095 của Phạm Công B đã sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng; 1,967g Methamphetamine còn lại sau giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định và bao bì gửi giám định; 03 nỏ thủy tinh hình dạng ống tròn cong; một quẹt ga màu đỏ mặt ngoài quẹt ga có hình chữ 555; 01 kéo kim loại cán kéo màu cam có hình chữ YDL Stainless; nhiều vỏ bì nylon nhựa, ống nhựa loại ống hút nước mía không còn giá trị sử dụng.

Buộc các bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C và Phạm Công B liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính số tiền 8.180.000 đồng.

Đối với thanh niên tên Q là người bán ma túy cho Phan Hòa C nhưng không xác định được họ và tên đầy đủ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu không thể tiến hành xác minh, xử lý.

Đối với hành vi mua ma túy để sử dụng của Nguyễn Văn E, Lê Anh G, Huỳnh Ngọc X, Nguyễn Xuân K, Nguyễn Ngọc I, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Trần Văn F, Bùi Thị G là cha, mẹ ruột của bị cáo Trần Thị A không biết Trần Thị A bán ma túy nên không cấu thành tội không tố giác về tội phạm theo khoản 2 Điều 19 và Điều 390 BLHS.

Đối với Trần Văn N là anh ruột của Trần Thị A không biết rõ Trần Thị A mua bán chất ma túy nên không cấu thành tội không tố giác về tội phạm theo khoản 2 Điều 19 và Điều 390 BLHS.

Đối với Nguyễn Văn E cho số cho Lê Anh G mua ma túy nhưng E không thỏa thuận thống nhất với A,C, B về việc mua bán trái phép chất ma túy nên không xác định đồng phạm theo Điều 17 BLHS.

Đối với Nguyễn Thành G được Phạm Công B nói về việc sẽ bán ma túy, nhờ giới thiệu dùm, Nguyễn Văn P được Phạm Công B nói về việc sẽ bán ma túy nhưng G không giới thiệu người có nhu cầu; lúc B nói là chưa bán ma túy nên không xác định đồng phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy và không cấu thành tội không tố giác tội phạm theo khoản 2 Điều 14 và Điều 390 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị A và bị cáo Phan Hòa C đều khai: Bị cáo A và bị cáo C sống chung với nhau từ năm 2014, không đăng ký kết hôn. Vì công việc không ổn định, nên thu nhập để lo cuộc sống thiếu thốn. Do đó bị cáo A và C bàn và thống nhất để C mua ma túy về bán kiếm lời; việc này, bị cáo A nói lại cho Phạm Công B (là người yêu của bị cáo A) biết và bị cáo B đồng ý. Ngày 09/9/2019, bị cáo C ra Đà Nẵng mua ma túy đá của một thanh niên tên Q với số tiền 2.000.000đ đem về nhà A. Tại đây, A và C cùng với bị cáo B, D phân chia nhỏ thành 16 bì nhỏ. Sau đó bị cáo A,C, B bán cho Nguyễn Văn E 03 lần, tổng cộng 04 bì với tổng số tiền 2.000.000đ, bán cho Phan Trọng D 03 lần tổng cộng 03 bì với tổng số tiền 850.000đ, A bán cho Lê Anh G 03 lần tổng cộng 03 bì với tổng số tiền 1.500.000đ (G nợ lại 200.000đ). Bị cáo D giới thiệu cho bị cáo B và bị cáo A bán cho Huỳnh Ngọc X 01 lần 01 bì số tiền 500.000đ, A và B bán cho Đặng 01 lần 01 bì số tiền 500.000đ, A bán cho Nguyễn Ngọc I 02 lần tổng cộng 04 bì với tổng số tiền 2.000.000đ, D giới thiệu cho A, B bán cho K 01 lần 01 bì với số tiền 300.000đ. Sau khi hết ma túy, A, B,C thống nhất đưa tiền cho C tiếp tục đi Đà Nẵng gặp Q mua ma túy về bán với số tiền 4.000.000đ; đồng thời,C nhờ người bán tên Q phân được 31 bì nhỏ. Sau đó, bị cáo A bán cho I 01 bì số tiền 300.000đ; bị cáo A sử dụng 01 bì; còn lại 29 bì. Đến khoảng 21 giờ ngày 28/9/2019, lực lượng Công an thị xã Sông Cầu kiểm tra hành chính nhà bị cáo A, thì Trần Văn N (anh ruột bị cáo A) giao nộp 29 bì ma túy cho Công an. Các bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C, Phạm Công B, Phan Trọng D đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng tội, không oan gì cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị A khẳng định: Hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo A với các đồng phạm khác là đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo A tội danh là đúng P luật, không oan gì cho bị cáo A. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo A; đồng thời, trong quá trình làm việc tại cơ quan điều tra bị cáo A tích cực hợp tác tổng công tác điều tra nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS cho bị cáo A được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt liền kề, để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và nuôi 03 con nhỏ.

Các bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C, Phạm Công B, Phan Trọng D đều biết hành vi của mình phạm tội, các bị cáo rất ăn năn, hối hận. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp P.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng: Các bị cáo và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, người bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử, không đề nghị hoãn phiên tòa. Xét việc vắng mặt của những người làm chứng, quá trình điều tra đã có lời khai, nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng quyết định tiếp tục xét xử.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C và Phan Trọng D tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cụ thể là Nguyễn Văn E, Phan Trọng D, Lê Anh G, Huỳnh Ngọc X, Nguyễn Ngọc I, Nguyễn Xuân K là những người mua ma túy của các bị cáo để sử dụng; phù hợp với vật chứng thu giữ; phù hợp với Kết luận giám định số 189/GĐ-PC09 ngày 04/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên: Đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/9/2019 đến ngày 28/9/2019, tại phường Xuân Thành; khu phố Phước Lý, khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên; Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên, Trần

Thị A, Phạm Công B và Phan Hòa C đã thống nhất mua ma túy, Phan Trọng D đã giúp các bị cáo khác phân chia ma túy, giới thiệu người mua ma túy nên Trần Thị A, Phạm Công B và Phan Hòa C đã bán cho Nguyễn Văn E 03 lần với số tiền 2.500.000 đồng; Phan Trọng D 03 lần với số tiền 850.000 đồng; Lê Anh G 03 lần với số tiền 1.300.000 đồng; Nguyễn Ngọc I 03 lần với số tiền 2.300.000 đồng; Huỳnh Ngọc X 02 lần với số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Xuân K 01 lần với số tiền 230.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi là 8.180.000 đồng. Vào khoảng 21 giờ 00 ngày 28/9/2019, tại Khu phố K P, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên, Trần Thị A và Phan Hòa C cất giấu 29 bì nilon có tổng khối lượng ma túy 2,221g loại Methamphetamine để bán cho những người có nhu cầu mua ma túy thì bị phát hiện. Vì vậy hành vi của các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[4] Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 15/CT - VKSSC ngày 06/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng P luật, không oan gì cho các bị cáo.

[5] Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa K, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là P luật cấm. Nhưng để có tiền sinh sống, tiêu xài cá nhân và thỏa mãn việc sử dụng ma túy, các bị cáo đã bất chấp P luật. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; tuy nhiên, bị cáo Phạm Công B bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS vào ngày 12/12/2019; bị cáo Phan Hòa C bị Cơ quan điều tra Công an huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 BLHS vào ngày 17/12/2019; bị cáo Phan Trọng D bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Điều 318 BLHS vào ngày 11/12/2019 (hành vi xảy ra vào ngày 07/6/2019). Nên cần xử lý nghiêm Aong xứng với tính chất mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; riêng bị cáo A có hoàn cảnh khó khăn có 03 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên cần xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[6] Vụ án có 04 bị cáo và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, với vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện tội phạm có khác nhau.

Đối với bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C, Phạm Công B đồng phạm với vai trò đều là người thực hành, nên mức hình phạt phải chịu như nhau. Nhưng đối bị cáo Trần Thị A có hoàn cảnh khó khăn hơn nên xét giảm mức hình phạt thấp hơn các bị cáo Phan Hòa C, Phạm Công B, nhưng cao hơn mức hình phạt đối bị cáo Phan Trọng D.

Đối bị cáo Phan Trọng D phạm tội đồng phạm với vai trò giúp sức, tuy bị cáo không trực tiếp mua, bán ma túy nhưng bị cáo có hành vi giúp các bị cáo phân chia chia ma túy và giới thiệu người mua ma túy cho các bị cáo A, B,C bán ma túy nên mức án thấp hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với thanh niên tên Q là người bán ma túy cho Phan Hòa C nhưng không xác định được họ và tên đầy đủ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu không thể tiến hành xác minh, xử lý nên HĐXX không xét.

[9] Đối với hành vi mua ma túy để sử dụng của Nguyễn Văn E, Lê Anh G, Huỳnh Ngọc X, Nguyễn Xuân K, Nguyễn Ngọc I, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ nên HĐXX không xét.

[10] Đối với Trần Văn F, Bùi Thị G là cha, mẹ ruột của bị can Trần Thị A không biết Trần Thị A bán ma túy nên không cấu thành tội không tố giác về tội phạm theo khoản 2 Điều 19 và Điều 390 BLHS nên HĐXX không xét.

[11] Đối với Trần Văn N là anh ruột của Trần Thị A không biết rõ Trần Thị A mua bán chất ma túy nên không cấu thành tội không tố giác về tội phạm theo khoản 2 Điều 19 và Điều 390 BLHS nên HĐXX không xét.

[12] Đối với Nguyễn Văn E cho số điện thoại cho Lê Anh G mua ma túy nhưng E không thỏa thuận thống nhất với A,C, B về việc mua bán trái phép chất ma túy nên không xác định đồng phạm theo Điều 17 BLHS nên HĐXX không xét.

[13] Đối với Nguyễn Thành G được Phạm Công B nói về việc sẽ bán ma túy, nhờ giới thiệu dùm, Nguyễn Văn P được Phạm Công B nói về việc sẽ bán ma túy nhưng G không giới thiệu người có nhu cầu; lúc B nói là chưa bán ma túy nên không xác định đồng phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy và không cấu thành tội không tố giác tội phạm theo khoản 2 Điều 14 và Điều 390 BLHS nên HĐXX không xét.

[14] Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại di động số kiểu Itel it 1516 Plus, số seri 0217801770304461, imei: 358175081345199; 01 điện

thoại di động Galaxy J4+ Kiểu máy SM –J415F/DS, seri R58M12WM63M, Imei 355021101729074 và 355022101729072 là K tiện phạm tội nhưng còn giá trị sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy sim số 0769593015 của Phan Hòa C; sim số 0335838992 của Trần Thị A; 01 sim số 0359589095 của Phạm Công B đã sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng; 1,967g Methamphetamine còn lại sau giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định và bao bì gửi giám định; 03 nỏ thủy tinh hình dạng ống tròn cong; một quẹt ga màu đỏ mặt ngoài quẹt ga có hình chữ 555; 01 kéo kim loại cán kéo màu cam có hình chữ YDL Stainless; nhiều vỏ bì nylon nhựa, ống nhựa loại ống hút nước mía không còn giá trị sử dụng.

Buộc các bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C và Phạm Công B liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính số tiền 8.180.000 đồng.

[15] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C và B là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[16] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị A đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo A do bị cáo A đã tích cực hợp tác trong quá trình điều tra và đề nghị xử phạt bị cáo A với mức án thấp nhất của khung hình phạt liên kề. HĐXX thấy rằng, bị cáo A đã được áp dụng tình tiết “người phạm tội tự thú” tại điểm r, khoản 1 Điều 51 BLHS và không thuộc trường hợp “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trìnhC quyết vụ án” nên đề nghị của người bào chữa cho bị cáo A là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[17] Về án phí: Các bị cáo Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của P luật.

Bị cáo Trần Thị A thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của P luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D. Riêng bị cáo Trần Thị A và bị cáo Phan Trọng D còn áp dụng thêm

Điều 54 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Thị A còn áp dụng thêm điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo **Trần Thị A 06 (sáu) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo **Phạm Công B 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 30/9/2019.

Bị cáo **Phan Hòa C 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 30/9/2019.

Bị cáo **Phan Trọng D 04 (bốn) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trần Thị A, Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động số kiểu Ite it 1516 Plus, số seri 0217801770304461, imei: 358175081345199 của bị cáo Phan Hòa C đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) sim số 0769593015 của Phan Hòa C; 01 (một) sim số 0359589095 của Phạm Công B; 03 (ba) nỏ thủy tinh hình dạng ống tròn cong; 01 (một) quạt ga màu đỏ mặt ngoài quạt ga có hình chữ 555; 01 (một) kéo kim loại cán kéo màu cam có hình chữ YDL Stainless; nhiều vỏ bì nylon nhựa, ống nhựa loại ống hút nước mía; 1,967g Methamphetamine còn lại sau giám định được đóng gói niêm phong đúng quy định và bao bì gửi giám định.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Galaxy J4+ Kiểu máy SM –J415F/DS, seri R58M12WM63M, Imei 355021101729074 và 355022101729072 của bị cáo Trần Thị A đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) sim số 0335838992 của Trần Thị A. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2020 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc các bị cáo Trần Thị A, Phan Hòa C và Phạm Công B liên đới nộp lại số tiền 8.180.000đồng (*Tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền thu lợi bất chính trong việc mua bán trái phép chất ma túy để thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị A. Buộc các bị cáo Phạm Công B, Phan Hòa C, Phan Trọng D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã Sông Cầu (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở A P (1);
- THA HS thị xã Sông Cầu (36);
- Chi cục THA DS thị xã Sông Cầu (1);
- Bị cáo (4);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn

Hội thẩm nhân dân

chủ tọa phiên tòa

Phạm Tấn Nghĩa, Phạm Ngọc Hiền

Lương Thành Trung

